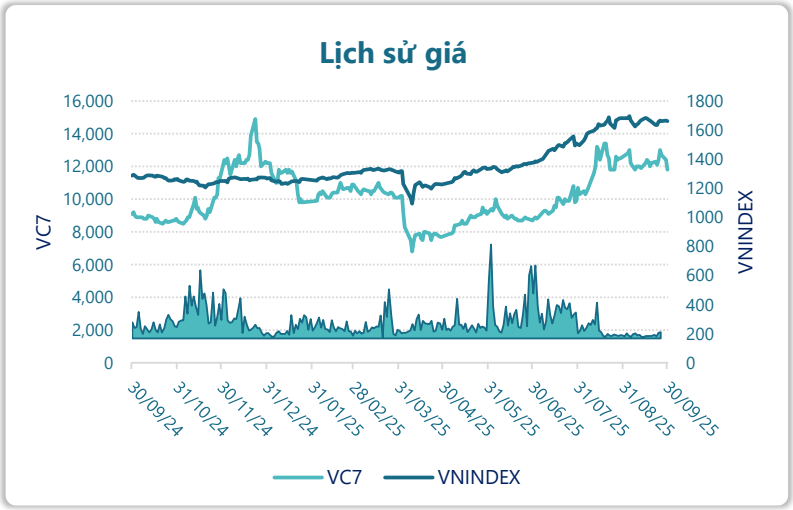
FireAnt

CTCP Tập đoàn BGI (HNX: VC7)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
SL cổ phiếu LH	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	533,130
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,134
P/E	68.8
EPS	172

DT thuần

Q3/25

139

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -6.5%

YoY: ▲ 84.7| 157%

LN sau thuế

Q3/25

4.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.34| -56.1%

YoY: ▲ 1.95| 87.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.5%

+/- YoY: ▼ 3.4%

DT thuần

9T 2025

340

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 155| 83.6%

LN sau thuế

9T 2025

16.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 43.1%

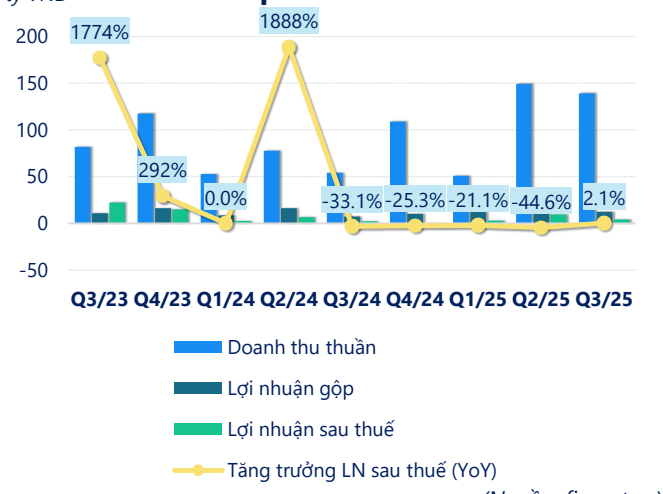
ROE

Q3/25

1.6%

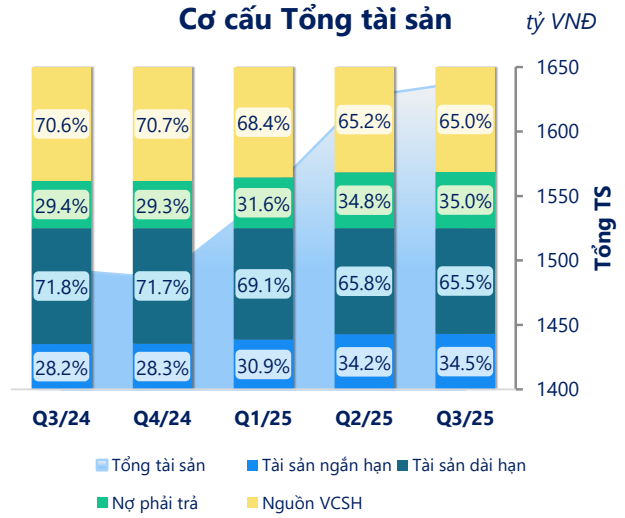
+/- YoY: ▼ 1.5%

Kết quả kinh doanh



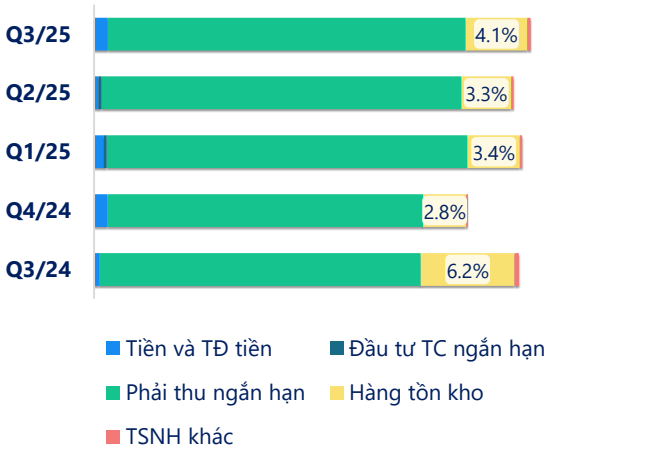
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



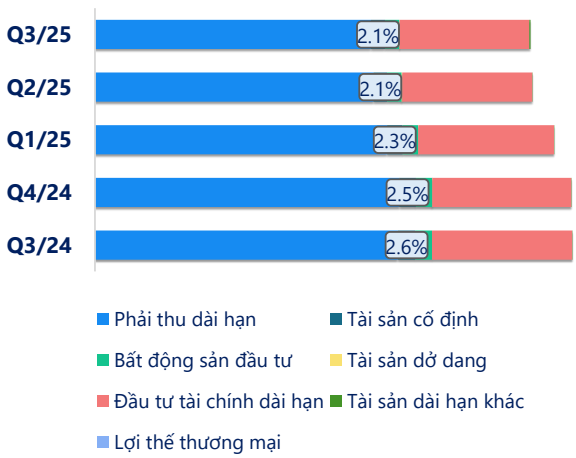
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



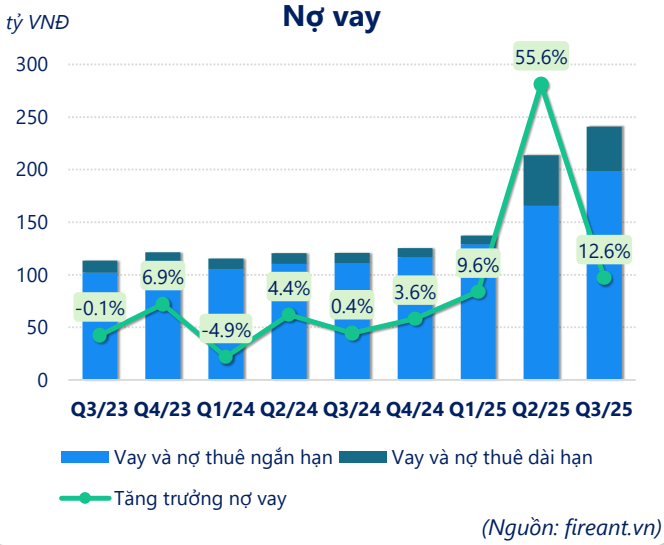
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



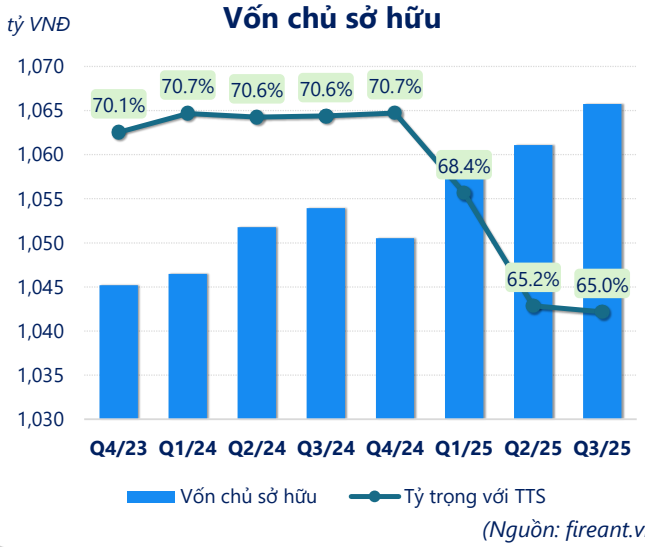
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



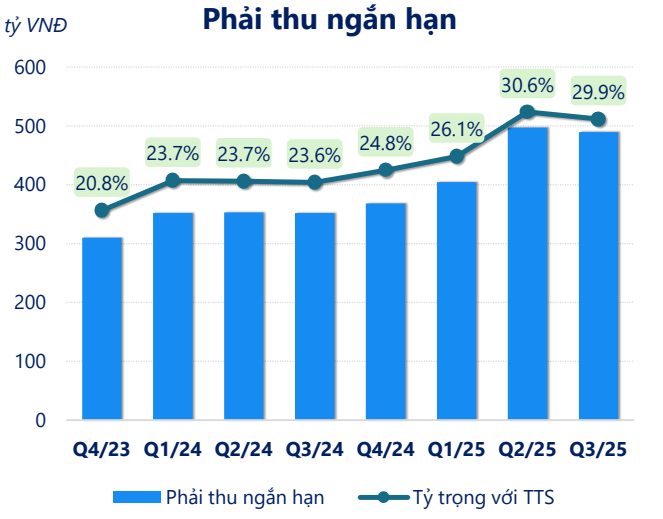
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



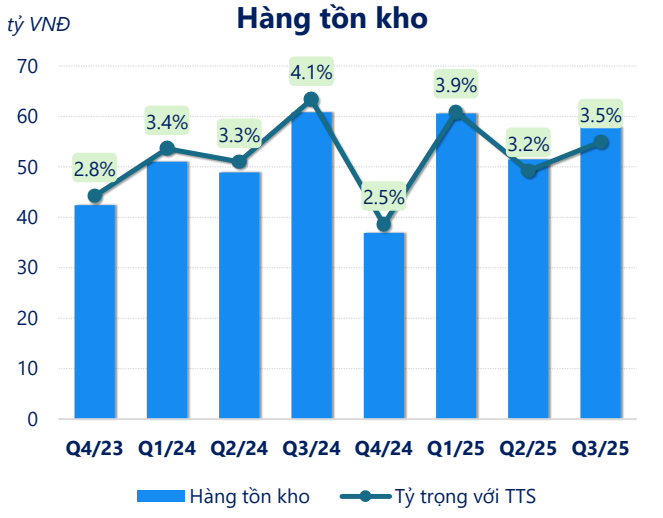
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



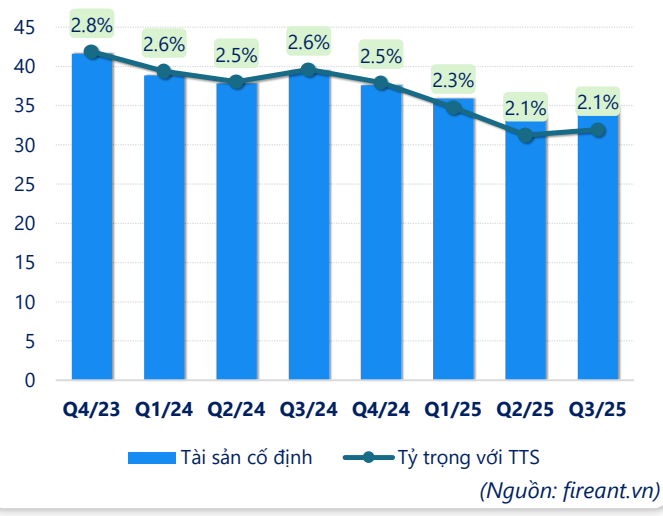
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



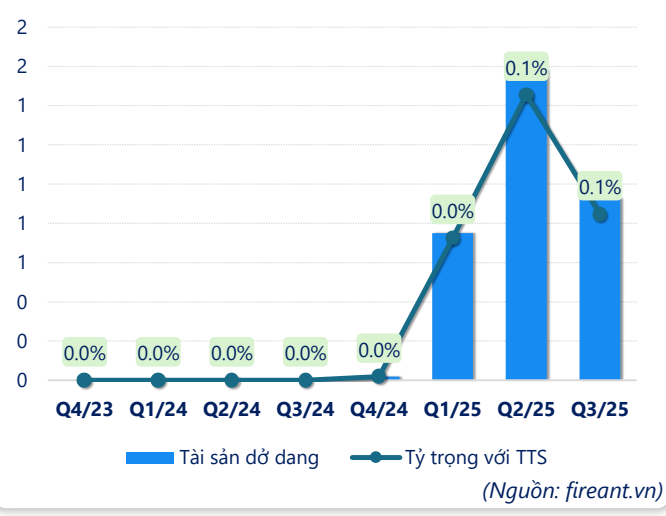
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



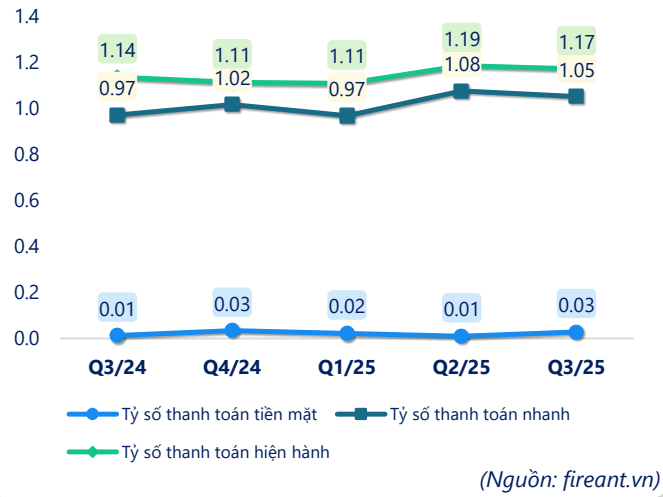
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



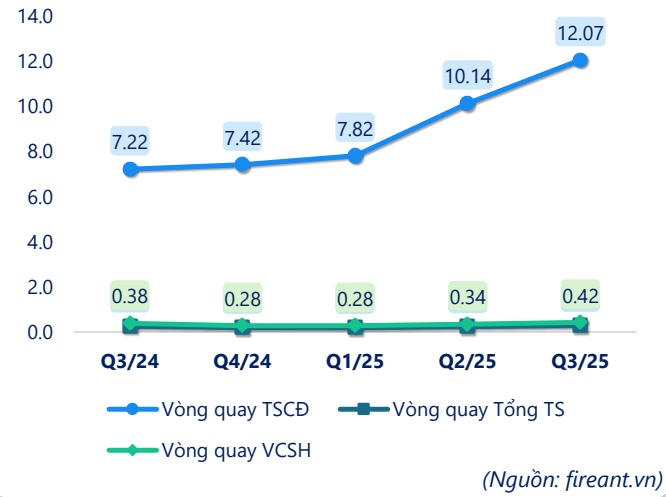
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,493**	**1,486**	**1,548**	**1,627**	**1,638**
Tài sản ngắn hạn	**421**	**421**	**479**	**556**	**565**
Tiền và tương đương tiền	4.82	13.0	9.65	4.61	13.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	1.08	0.48	0	0
Phải thu ngắn hạn	352	368	405	497	489
Hàng tồn kho	60.8	36.9	60.6	51.5	57.9
Tài sản ngắn hạn khác	3.14	2.04	3.11	2.75	3.53
Tài sản dài hạn	**1,072**	**1,065**	**1,069**	**1,071**	**1,074**
Phải thu dài hạn	680	680	680	681	680
Tài sản cố định	39.4	37.6	35.9	33.9	34.9
Bất động sản đầu tư	37.1	36.6	36.0	35.4	34.9
Tài sản dở dang	0	0.02	0.75	1.58	0.93
Đầu tư tài chính dài hạn	315	310	316	318	320
Tài sản dài hạn khác	0.17	0.20	0.23	0.27	3.14
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**439**	**436**	**489**	**566**	**573**
Nợ ngắn hạn	**371**	**378**	**432**	**469**	**482**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	117	129	166	199
Phải trả người bán ngắn hạn	76.2	65.9	55.0	65.0	57.4
Nợ dài hạn	68.4	57.7	57.4	97.2	91.1
Vay và nợ thuê dài hạn	9.80	8.64	8.43	48.2	42.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,054**	**1,051**	**1,059**	**1,061**	**1,066**
Vốn chủ sở hữu	**1,054**	**1,051**	**1,059**	**1,061**	**1,066**
Vốn điều lệ	961	961	961	961	961
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)